

Số: 7045/YCBG-BVT
V/v yêu cầu báo giá gói
thầu

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Gói thầu Mua sắm hệ thống phẫu thuật nội soi và Bộ dụng cụ phẫu thuật
cột sống thuộc Đề án ứng dụng phát triển kỹ thuật cao ngành Y tế Bắc
Ninh giai đoạn 2022-2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức mua sắm gói thầu Mua sắm hệ thống phẫu thuật nội soi và Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống thuộc Đề án ứng dụng phát triển kỹ thuật cao ngành Y tế Bắc Ninh giai đoạn 2022-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Thành phố Bắc Ninh
- Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga
- Chức vụ: Văn thư
- Số điện thoại: 0222.3821.242
- Địa chỉ email: bvdkbacninh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh - Đường Nguyễn Quyền - Phường Võ Cường - Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.

- Hoặc nhận qua email (bản quét PDF đã có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: bvdkbacninh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 28 tháng 11 năm 2024 đến trước 10h00' ngày 09 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất, vật tư, thiết bị y tế/yêu cầu chi tiết theo Bảng sau: Theo Phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hóa chất, vật tư, thiết bị y tế:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh, Đường Nguyễn Quyền, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 05 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%;

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử SYT (đăng tải);
- Phòng TCKT (đăng tải trên HT mạng ĐT Quốc gia);
- Phòng Công nghệ thông tin (đăng tải trên website của BV);
- Lưu VT, HĐXDG.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

Phụ lục: Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật

Gói thầu Mua sắm hệ thống phẫu thuật nội soi và Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống thuộc Đề án ứng dụng phát triển kỹ thuật cao ngành Y tế Bắc Ninh giai đoạn 2022-2026

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 7045/YCBG-BVT ngày 28/11/2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
1	Hệ thống phẫu thuật nội soi	Hệ thống	01	1. Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none">- Chất lượng máy: Mới 100%.- Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau.- Nguồn điện: 220 - 240V/50-60Hz.- Xuất xứ: Các nước G7 (Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản) hoặc Việt Nam. 2. Cấu hình tối thiểu bao gồm: <ul style="list-style-type: none">- Bộ xử lý hình ảnh trung tâm kèm nguồn sáng hoặc bộ xử lý hình ảnh trung tâm và nguồn sáng tách rời: 01 bộ.- Đầu camera: 01 cái.- Màn hình nội soi y tế: 01 cái.- Xe đẩy hệ thống: 01 cái.- Bộ phụ kiện, dụng cụ kèm theo hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 01 bộ (chi tiết theo danh mục từ STT 1.6 đến STT 1.44)- Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ.
1.1	Bộ xử lý hình ảnh trung tâm	Bộ	01	<ul style="list-style-type: none">- Bộ xử lý hình ảnh trung tâm kèm với nguồn sáng hoặc tách rời.- Độ phân giải tối đa: $\geq 1920 \times 1080$ pixels.- Có chức năng điều chỉnh độ sắc nét, độ tương phản, độ bão hòa, màu sắc, cân bằng trắng.- Có các cổng tín hiệu theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.- Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.2	Nguồn sáng	Cái	01	<ul style="list-style-type: none">- Nguồn sáng LED.- Tuổi thọ bóng đèn: ≥ 30.000 giờ.- Có bộ phận làm mát.- Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
1.3	Đầu camera	Cái	01	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến hình ảnh: CMOS hoặc tốt hơn. - Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixels. - Có các nút bấm trên đầu camera để điều chỉnh chức năng như zoom, chụp ảnh. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.4	Màn hình nội soi y tế	Cái	01	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước màn hình: ≥ 30 inches. - Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixels. - Độ sáng: ≥ 350 cd/m². - Góc quan sát: $\geq 170^\circ$. - Tỷ lệ tương phản: $\geq 1000:1$. - Có các cổng tín hiệu theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
1.5	Xe đẩy hệ thống	Cái	01	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Inox 304 hoặc sắt sơn tĩnh điện. - Xe có: ≥ 04 ngăn để máy, giá treo dịch truyền, bánh xe có khóa.
1.6	Bộ kìm găm nội soi cho mỏ hẹp ống sống	Bộ	01	<p>Bộ kìm găm nội soi cho mỏ hẹp ống sống kiểu Kerrison, bao gồm tối thiểu 03 kìm có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 400mm. - Đường kính trong khoảng từ 4.0mm đến 6.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.7	Bộ kìm găm nội soi cho mỏ liên bản sống	Bộ	01	<p>Bộ kìm găm nội soi cho mỏ liên bản sống kiểu Kerrison, bao gồm tối thiểu 02 kìm có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 400mm. - Đường kính trong khoảng từ 3.0mm đến 5.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.8	Bộ kìm găm nội soi cho mỏ lõi bên	Bộ	01	<p>Bộ kìm găm nội soi cho mỏ lõi bên kiểu Kerrison, bao gồm tối thiểu 02 kìm có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 400mm.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				- Đường kính trong khoảng từ 3.0mm đến 5.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.9	Búa	Cái	01	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài búa trong khoảng từ 240mm đến 270mm.
1.10	Đầu nối	Cái	01	Đầu nối dùng với vỏ soi. - Sử dụng được với mặt hàng STT 1.44 (Vỏ soi).
1.11	Đầu nối với ống kính soi	Cái	01	Đầu nối với ống kính soi. - Sử dụng được với mặt hàng STT 1.41, STT 1.42.
1.12	Dây dẫn sáng	Cái	01	Dây dẫn sáng - Tương thích với nguồn sáng. - Chiều dài ≥ 3 m.
1.13	Dụng cụ móc thần kinh	Cái	01	Dụng cụ móc thần kinh - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 260mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 3.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.14	Dụng cụ nạo xương cho mô liên bản sống	Cái	01	Dụng cụ nạo xương cho mô liên bản sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 3.0mm đến 5.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.15	Dụng cụ nạo xương cho mô lõi bên	Cái	01	Dụng cụ nạo xương cho mô lõi bên. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 200mm đến 360mm - Đường kính trong khoảng từ 3.0mm đến 5.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.16	Dụng cụ nong cho mô hẹp ống sống	Cái	01	Dụng cụ nong cho mô hẹp ống sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 180mm đến 240mm. - Đường kính trong khoảng từ 8.0mm đến 10.0mm.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				- Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.17	Dụng cụ nong cho mô liên bản sống	Cái	01	Dụng cụ nong cho mô liên bản sống - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 200mm đến 240mm. - Đường kính trong khoảng từ 6.0mm đến 8.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.18	Dụng cụ nong cho mô lõi bên	Cái	01	Dụng cụ nong cho mô lõi bên - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 220mm đến 240mm. - Đường kính trong khoảng từ 6.0mm đến 7.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.19	Dụng cụ thăm dò cho mô hẹp ống sống	Cái	01	Dụng cụ thăm dò cho mô hẹp ống sống - Chất liệu: Thép không gỉ hoặc nitinol. - Chiều dài trong khoảng từ 220mm đến 360mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.20	Dụng cụ thăm dò cho mô liên bản sống	Cái	01	Dụng cụ thăm dò cho mô liên bản sống - Chất liệu: Thép không gỉ hoặc nitinol. - Chiều dài trong khoảng từ 220mm đến 360mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.21	Dụng cụ thăm dò cho mô lõi bên	Cái	01	Dụng cụ thăm dò cho mô lõi bên - Chất liệu: Thép không gỉ hoặc nitinol. - Chiều dài trong khoảng từ 220mm đến 360mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.22	Dụng cụ vén rễ cho mô hẹp ống sống	Cái	01	Dụng cụ vén rễ cho mô hẹp ống sống - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đầu cong. - Chiều dài trong khoảng từ 300mm đến 360mm.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				- Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.23	Dụng cụ vén rãnh cho mô liên bản sống	Cái	01	Dụng cụ vén rãnh cho mô liên bản sống - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đầu cong. - Chiều dài trong khoảng từ 300mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.24	Dụng cụ vén rãnh cho mô lõi bên	Cái	01	Dụng cụ vén rãnh cho mô lõi bên - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đầu cong. - Chiều dài trong khoảng từ 300mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.25	Khay dùng bảo quản và tiệt trùng dụng cụ	Cái	03	Khay dùng bảo quản và tiệt trùng dụng cụ Chất liệu: Thép không gỉ hoặc nhựa. Kích thước (dài x cao x rộng): $\geq 500 \times 50 \times 150$ mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.26	Kìm cắt, hàm gấp góc cho mô hẹp ống sống	Cái	01	Kìm cắt, hàm gấp góc cho mô hẹp ống sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 300mm đến 380mm. - Đường kính trong khoảng từ 1.0mm đến 3.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.27	Kìm cắt, hàm gấp góc cho mô liên bản sống	Cái	01	Kìm cắt, hàm gấp góc cho mô liên bản sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 300mm đến 380mm. - Đường kính trong khoảng từ 1.0mm đến 3.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				(Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.28	Kìm cắt, hàm gấp góc cho mỏ lồi bên	Cái	01	Kìm cắt, hàm gấp góc cho mỏ lồi bên. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 300mm đến 380mm. - Đường kính trong khoảng từ 1.0mm đến 3.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.29	Kìm cắt, thẳng cho mỏ hẹp ống sống	Cái	01	Kìm cắt, thẳng cho mỏ hẹp ống sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 220mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 1.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.30	Kìm cắt, thẳng cho mỏ liên bản sống	Cái	01	Kìm cắt, thẳng cho mỏ liên bản sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 220mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 1.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.31	Kìm cắt, thẳng cho mỏ lồi bên	Cái	01	Kìm cắt, thẳng cho mỏ lồi bên. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 220mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 1.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.32	Kìm gấp, hàm gấp góc cho mỏ hẹp ống sống	Cái	01	Kìm gấp, hàm gấp góc cho mỏ hẹp ống sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 3.5mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.33	Kìm gấp, hàm gấp góc cho	Cái	01	Kìm gấp, hàm gấp góc cho mỏ liên bản sống. - Chất liệu: Thép không gỉ.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
	mỏ liên bản sống			- Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 3.5mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.34	Kìm gấp, hàm gấp góc cho mỏ lõi bên	Cái	01	Kìm gấp, hàm gấp góc cho mỏ lõi bên. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 360mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 3.5mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.35	Kìm gấp, thẳng cho mỏ hẹp ống sống	Cái	01	Kìm gấp, thẳng cho mỏ hẹp ống sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 300mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.36	Kìm gấp, thẳng cho mỏ liên bản sống	Cái	01	Kìm gấp, thẳng cho mỏ liên bản sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 250mm đến 300mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.37	Kìm gấp, thẳng cho mỏ lõi bên	Cái	01	Kìm gấp, thẳng cho mỏ lõi bên. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 300mm đến 400mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.38	Ống làm việc cho mỏ hẹp ống sống	Cái	01	Ống làm việc cho mỏ hẹp ống sống. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 100mm đến 150mm. - Đường kính ngoài trong khoảng từ 10.0mm đến 12.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				(Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.39	Ống làm việc cho mỏ liên bản sổng	Cái	01	Ống làm việc cho mỏ liên bản sổng. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 100mm đến 200mm. - Đường kính ngoài trong khoảng từ 7.0mm đến 8.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.40	Ống làm việc cho mỏ lõi bên	Cái	01	Ống làm việc cho mỏ lõi bên. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 100mm đến 200mm. - Đường kính ngoài trong khoảng từ 7.0mm đến 8.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.41	Ống soi cột sổng cho mỏ hẹp ống sổng	Cái	01	Ống soi cột sổng cho mỏ hẹp ống sổng. - Chất liệu vỏ: Thép không gỉ. - Hướng nhìn trong khoảng từ 15° đến 30°. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 130mm đến 180mm. - Đường kính trong khoảng từ 6.0mm đến 10.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.42	Ống soi cột sổng cho mỏ liên bản sổng	Cái	01	Ống soi cột sổng cho mỏ liên bản sổng. - Chất liệu vỏ: Thép không gỉ. - Hướng nhìn trong khoảng từ 15° đến 30°. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 130mm đến 180mm. - Đường kính trong khoảng từ 6.0mm đến 10.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.43	Ống soi cột sổng cho mỏ lõi bên	Cái	01	Ống soi cột sổng cho mỏ lõi bên. - Chất liệu vỏ: Thép không gỉ. - Hướng nhìn trong khoảng từ 15° đến 30°. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 170mm đến 215mm. - Đường kính trong khoảng từ 6.0mm đến 10.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				(Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
1.44	Vỏ soi	Cái	03	Vỏ soi. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống	Bộ	01	
2.1	Banh tự giữ	Cái	01	Banh tự giữ - Chất liệu: Thép không gỉ. - Có răng. - Chiều dài trong khoảng từ 170mm đến 190mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.2	Bộ đục xương lưỡi dẹt	Bộ	01	Bộ đục xương lưỡi dẹt, bao gồm tối thiểu 02 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 200mm đến 230mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.3	Bộ dụng cụ dò rễ mũi quả cầu	Bộ	01	Bộ dụng cụ dò rễ mũi quả cầu, bao gồm tối thiểu 02 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Gập góc. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.4	Bộ dụng cụ găm cột sống	Bộ	01	Bộ dụng cụ găm cột sống, bao gồm tối thiểu 03 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Loại cong, tháo rời được. - Chiều dài trong khoảng từ 170mm đến 240mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				(Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.5	Bộ dụng cụ gấp đĩa đệm	Bộ	01	Bộ dụng cụ gấp đĩa đệm, bao gồm tối thiểu 03 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Loại thẳng. - Chiều dài trong khoảng từ 150mm đến 210mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.6	Bộ dụng cụ gấp đĩa đệm	Bộ	01	Bộ dụng cụ gấp đĩa đệm, bao gồm tối thiểu 03 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Loại cong. - Chiều dài trong khoảng từ 150mm đến 210mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.7	Bộ dụng cụ nạo xương, hàm kéo	Bộ	01	Bộ dụng cụ nạo xương, hàm kéo, bao gồm tối thiểu 02 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Cờ hàm trong khoảng từ 3.0mm đến 5.5mm.
2.8	Bộ dụng cụ tách vén tổ chức	Bộ	01	Bộ dụng cụ tách vén tổ chức, bao gồm tối thiểu 02 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.9	Bộ dụng cụ vén rễ thần kinh	Bộ	01	Bộ dụng cụ vén rễ thần kinh, bao gồm tối thiểu 02 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Gập góc. - Chiều dài trong khoảng từ 180mm đến 200mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.10	Bộ kim găm đĩa đệm vi	Bộ	01	Bộ kim găm đĩa đệm vi phẫu, mũi ngựa, bao gồm tối thiểu 02 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
	phẫu, mũi ngửa			- Chất liệu: Thép không gỉ. - Thiết kế mũi ngửa - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.11	Bộ kim găm đĩa đệm vi phẫu, mũi thẳng	Bộ	01	Bộ kim găm đĩa đệm vi phẫu, mũi thẳng, bao gồm tối thiểu 02 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Thiết kế mũi thẳng. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.12	Bộ kim găm xương vi phẫu	Bộ	01	Bộ kim găm xương vi phẫu, bao gồm tối thiểu 03 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều rộng nằm trong khoảng từ 1.0mm đến 5.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.13	Bộ ống banh vi phẫu	Bộ	01	Bộ ống banh vi phẫu, bao gồm tối thiểu 06 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đường kính trong khoảng từ 15mm đến 30mm. - Chiều dài trong khoảng từ 30mm đến 90mm.
2.14	Bộ ống hút vi phẫu, gấp góc	Bộ	01	Bộ ống hút vi phẫu, gấp góc, bao gồm tối thiểu 02 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.15	Bộ ống nong cơ	Bộ	01	Bộ ống nong cơ, bao gồm tối thiểu 06 cái có kích thước khác nhau theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đường kính trong khoảng từ 5.0mm đến 25.0mm.
2.16	Búa có tay cầm	Cái	01	Búa có tay cầm - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				(Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.17	Dụng cụ bóc tách tổ chức	Cái	01	Dụng cụ bóc tách tổ chức - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.18	Dụng cụ nạo róc xương	Cái	01	Dụng cụ nạo róc xương - Chất liệu: Thép không gỉ. - Loại cong. - Chiều dài trong khoảng từ 220mm đến 280mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.19	Dụng cụ nạo xương, hàm đẩy	Cái	01	Dụng cụ nạo xương, hàm đẩy - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước đầu trong khoảng từ 3.0mm đến 4.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.20	Dụng cụ róc tách hai đầu	Cái	01	Dụng cụ róc tách hai đầu. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 180mm đến 220mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.21	Hệ thống tay cố định ống banh	Cái	01	Hệ thống tay cố định ống banh. - Chất liệu: Thép không gỉ.
2.22	Hộp hấp cho dụng cụ vi phẫu	Cái	01	Hộp hấp cho dụng cụ vi phẫu. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.23	Hộp hấp dụng cụ	Cái	01	Hộp hấp dụng cụ. - Chất liệu: Thép không gỉ hoặc nhôm. - Kích thước (dài x rộng x cao): $\geq 550 \times 260 \times 130$ mm - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
				(Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.24	Kẹp cố định vào thành bàn mổ	Cái	01	Kẹp cố định vào thành bàn mổ. - Chất liệu: Thép không gỉ.
2.25	Khay đựng bộ cố định ống banh	Cái	01	Khay đựng bộ cố định ống banh. - Chất liệu: Thép không gỉ.
2.26	Khay đựng bộ ống nong cơ	Cái	01	Khay đựng bộ ống nong cơ. - Chất liệu: Thép không gỉ.
2.27	Khay lưới bảo quản	Cái	01	Khay lưới bảo quản. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước (dài x rộng x cao): $\geq 530 \times 250 \times 50$ mm.
2.28	Kim dẫn đường	Cái	01	Kim dẫn đường. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Đường kính trong khoảng từ 1.5mm đến 1.8mm. - Chiều dài trong khoảng từ 300mm đến 350mm.
2.29	Kim găm xương	Cái	01	Kim găm xương. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 200mm đến 240mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.30	Kim găm xương, gập góc bên	Cái	01	Kim găm xương, gập góc bên. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 220mm đến 240mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.31	Kim kẹp kim	Cái	01	Kim kẹp kim. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Loại thẳng. - Chiều dài trong khoảng từ 180mm đến 190mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật
2.32	Ống hút vi phẫu	Cái	01	Ống hút vi phẫu. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 110mm đến 140mm. - Đường kính trong khoảng từ 1.5mm đến 5.0mm - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.33	Ống hút vi phẫu mũi tù	Cái	01	Ống hút vi phẫu mũi tù. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài làm việc trong khoảng từ 130mm đến 190mm. - Đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 5.0mm - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).
2.34	Que dò vi phẫu	Cái	01	Que dò vi phẫu. - Chất liệu: Thép không gỉ.
2.35	Tấm lưới silicon cho khay lưới	Cái	01	Tấm lưới silicon cho khay lưới. - Chất liệu: silicon. - Kích thước: $\geq 500 \times 200$ mm.
2.36	Thìa nạo xương	Cái	01	Thìa nạo xương. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Chiều dài trong khoảng từ 160mm đến 250mm. - Đường kính trong khoảng từ 4.0mm đến 6.0mm. - Đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) hoặc CE (Châu Âu) hoặc ARTG (Australia) hoặc PMDA (Nhật Bản).

Mẫu báo giá
Gói thầu Mua sắm hệ thống phẫu thuật nội soi và Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống thuộc Đề án ứng dụng phát triển kỹ thuật cao ngành Y tế Bắc Ninh giai đoạn 2022-2026

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các loại vật tư, hoá chất, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật	Mã HS	Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1		Hàng hoá A										
2		Hàng hoá B										
n		...										

Hãng sản xuất, nhà cung cấp: Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, hợp đồng tương tự hoặc các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (nếu có)

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Hàng hóa mới 100%, bàn giao tại đơn vị sử dụng. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất Tháng (nếu có).

4. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 09/12/2024.

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))